

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1829/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/11/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Nguyên T; Sinh năm: 1989; Địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã L, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Địa chỉ tạm trú: 67/4/27/16 Nguyễn Q, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng L; Sinh năm: 1986; Địa chỉ thường trú: 104 Nguyễn Q, khu phố 4, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: 55/6/13A Nguyễn Q, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022 của bà Võ Thị Nguyên T, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Võ Thị Nguyên T là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Trần Hoàng L có thời gian tìm hiểu mới đi đến kết hôn. Hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2016. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại địa chỉ 55/6/13A Nguyễn Q, khu phố 4, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 ông bà nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên vắng nhà. Từ đó, ông không lo làm ăn nên không có công việc ổn định, không quan tâm đến vợ con. Bà không còn tin tưởng vào ông L, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Hai bên sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống và ông L cũng không có trách nhiệm với con cái. Do mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên bà T yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trần Hoàng Thảo V, sinh ngày 14/3/2011 và Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/6/2016.

Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Thảo V và trẻ Thảo M.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Vụ án không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu. Riêng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét tình cảm vợ chồng bà T, ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung xét thấy bà T đang nuôi hai con chung Trần Hoàng Thảo V, sinh ngày 14/3/2011 và Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/6/2016 nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 trẻ cho bà T nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của hai trẻ. Về tài sản chung và nợ chung: bà Võ Thị Nguyên T xác nhận không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của bà Võ Thị Nguyên T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Trần Hoàng L có nơi cư trú tại số 55/6/13A Nguyễn Q, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Võ Thị Nguyên T có đơn xin vắng mặt, ông Trần Hoàng L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Hoàng L đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông L không đến Tòa và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Võ Thị Nguyên T đối với ông Trần Hoàng L. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông L đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà T là do ông L có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với con cái. Từ đó, sự tin tưởng của bà T dành cho ông L không còn. Hiện nay, hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác” nhưng gia đình bà T ông L lại không có những điều này, không đảm bảo được “tình nghĩa vợ chồng”. Tòa án cũng đã triệu tập ông L đến Tòa để ông L thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông L, căn

cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[6] Về con chung: Bà T xác nhận có 02 (hai) con chung là Trần Hoàng Thảo V, sinh ngày 14/3/2011 và Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/6/2016.

Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Thảo V và trẻ Thảo M. Xét thấy cả hai trẻ là con gái, hiện nay đang sống cùng bà T. Trẻ Thảo V có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ thương và luôn chăm sóc. Bà T có việc làm, có thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo sự ổn định tâm lý cũng như vì quyền lợi mọi mặt của con cái, căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho trẻ Thảo V và Thảo M.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Võ Thị Nguyên T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Nguyên T đối với ông Trần Hoàng L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Nguyên T được ly hôn với ông Trần Hoàng L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Võ Thị Nguyên T và ông Trần Hoàng L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Võ Thị Nguyên T.

Giao 02 (hai) con chung là Trần Hoàng Thảo V, sinh ngày 14/3/2011 và Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 14/6/2016 cho bà Võ Thị Nguyên T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Nguyên T không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho trẻ Thảo V và Thảo M.

Ông Trần Hoàng L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà T, ông L đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Nguyên T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Nguyên T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Nguyên T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033886 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Nguyên T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh